|  |  |
| --- | --- |
| **QUỐC HỘI**Luật số: /2022/QH15 | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**LUẬT**

**DỰ THẢO**

**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU**

**CỦA LUẬT TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN**

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

*Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số …../2022/QH15.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện**

1. Sửa đổi, bổ sung điểm c và điểm h khoản 2 Điều 5 như sau:

“c) Cấp, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, thu hồi giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện, cấp lại giấy phép sử dụng băng tần, đình chỉ có thời hạn một phần quyền sử dụng băng tần; quản lý lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện, phí sử dụng tần số vô tuyến điện theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí;

h) Bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ vô tuyến điện; quản lý việc đào tạo và cấp Chứng chỉ vô tuyến điện viên;”.

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 9 như sau:

“2. Sử dụng tần số vô tuyến điện dành riêng cho mục đích cấp cứu, an toàn, tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn, quốc phòng, an ninh vào mục đích khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 45 của Luật này.”.

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1, khoản 3 và bổ sung khoản 4 sau khoản 3 Điều 11 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 như sau:

“b) Quy hoạch băng tần là quy hoạch phân chia băng tần thành một hoặc nhiều khối băng tần cho một loại hệ thống thông tin vô tuyến điện và quy định việc phân bổ băng tần đó cho một hoặc nhiều tổ chức sử dụng theo những điều kiện cụ thể.

Đối với băng tần được quy hoạch cho hệ thống thông tin di động mặt đất công cộng thì việc phân bổ bao gồm giới hạn tổng độ rộng băng tần mà một tổ chức được cấp phép sử dụng trong băng tần được quy hoạch và nhóm băng tần có đặc tính phủ sóng tương đồng.”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Việc sản xuất, nhập khẩu thiết bị vô tuyến điện, thiết bị ứng dụng sóng vô tuyến điện để sử dụng tại Việt Nam và việc quản lý, sử dụng tần số vô tuyến điện phải phù hợp với các quy hoạch tần số vô tuyến điện theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này.”;

c) Bổ sung khoản 4 sau khoản 3 như sau:

“4. Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện trong trường hợp đặc biệt:

a) Các trường hợp đặc biệt được sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện không phù hợp với quy hoạch tần số vô tuyến điện trong không gian, thời gian nhất định bao gồm sử dụng trong các sự kiện đặc biệt được Thủ tướng Chính phủ cho phép hoặc sử dụng cho mục đích triển lãm, đo kiểm, nghiên cứu, thử nghiệm công nghệ mới;

b) Tổ chức, cá nhân sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện trong các trường hợp quy định tại điểm a khoản này phải ngừng sử dụng khi gây nhiễu có hại cho các thiết bị vô tuyến điện được phép sử dụng khác hoặc khi không bảo đảm an toàn bức xạ vô tuyến điện.”.

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 và khoản 4 Điều 16 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau:

“b) Giấy phép sử dụng băng tần có thời hạn tối đa là 15 năm, được cấp cho tổ chức để sử dụng băng tần xác định kèm theo các điều kiện cụ thể;”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Chính phủ quy định chi tiết thủ tục cấp, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, thu hồi giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện; cấp lại giấy phép sử dụng băng tần.”.

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 18 như sau:

“ Điều 18. Phương thức cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện

1. Phương thức cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện được quy định như sau:

a) Cấp giấy phép trực tiếp được thực hiện trên cơ sở xem xét hồ sơ đề nghị cấp giấy phép theo nguyên tắc tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định trước được xét cấp trước;

b) Cấp giấy phép thông qua thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện được thực hiện trên cơ sở đánh giá hồ sơ thi tuyển, theo những tiêu chí cơ bản về năng lực tài chính, đầu tư, năng lực kỹ thuật nghiệp vụ, năng lực kinh doanh, nguồn nhân lực;

c) Cấp giấy phép thông qua đấu giá quyền sử dụng tần số vô tuyến điện được thực hiện trên cơ sở đánh giá hồ sơ đấu giá theo những tiêu chí về năng lực tài chính, đầu tư và mức trả giá của tổ chức.

2. Phương thức cấp giấy phép trực tiếp được áp dụng đối với:

a) Tần số vô tuyến điện không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều này;

b) Băng tần được sử dụng để thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông theo pháp luật về viễn thông.

3. Phương thức cấp giấy phép thông qua đấu giá, thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện được quy định như sau:

a) Áp dụng phương thức cấp giấy phép thông qua đấu giá hoặc thi tuyển đối với: băng tần có giá trị thương mại cao và có nhu cầu sử dụng vượt quá khả năng phân bổ xác định trong quy hoạch băng tần; băng tần được sử dụng để thiết lập mạng viễn thông di động mặt đất công cộng;

b) Đối với băng tần được sử dụng để thiết lập mạng viễn thông di động mặt đất công cộng quy định tại điểm a khoản này, áp dụng phương thức cấp giấy phép thông qua đấu giá, chỉ thi tuyển trong trường hợp cần phủ sóng công nghệ mới trên diện rộng, trong thời gian nhất định hoặc cần thúc đẩy cạnh tranh;

c) Thủ tướng Chính phủ quyết định băng tần cụ thể có giá trị thương mại cao và có nhu cầu sử dụng vượt quá khả năng phân bổ xác định trong quy hoạch băng tần được đấu giá hoặc thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện trong từng thời kỳ; quyết định băng tần được sử dụng để thiết lập mạng viễn thông di động mặt đất công cộng được thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện;

d) Áp dụng phương thức cấp giấy phép thông qua đấu giá hoặc thi tuyển đối với băng tần quy định tại điểm a khoản này sau khi giấy phép sử dụng băng tần hết hạn sử dụng (bao gồm cả thời gian gia hạn), trừ trường hợp quy định tại Điều 20a của Luật này;

đ) Chính phủ quy định chi tiết về đấu giá, thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện.”.

1. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điểm, khoản của Điều 19 như sau:
2. Sửa đổi, bổ sung điểm b, c, d khoản 2 Điều 19 như sau:

“b) Có giấy phép viễn thông theo quy định của pháp luật về viễn thông;

c) Có giấy phép hoạt động báo chí hoặc được quyền phát sóng chương trình phát thanh, truyền hình theo quy định của pháp luật;

d) Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện hoặc có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi đối với trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 11 của Luật này;”;

b) Bãi bỏ khoản 3 Điều 19.

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 20 như sau:

“Điều 20. Cấp giấy phép sử dụng băng tần

1. Đối tượng được cấp giấy phép là tổ chức hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

2. Điều kiện để được cấp giấy phép trong trường hợp áp dụng phương thức cấp giấy phép trực tiếp: có đủ các điều kiện quy định tại các điểm a, b, d, đ và e khoản 2 Điều 19 của Luật này.

3. Điều kiện để được cấp giấy phép trong trường hợp áp dụng phương thức đấu giá hoặc thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện bao gồm:

a) Có đủ các điều kiện quy định tại các điểm a, d, đ và e khoản 2 Điều 19 của Luật này;

b) Có đủ điều kiện được cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông theo quy định của pháp luật về viễn thông;

c) Đã hoàn thành các nghĩa vụ tài chính trước đó về viễn thông, tần số vô tuyến điện;

d) Có cam kết triển khai mạng viễn thông theo quy định tại khoản 4 Điều này;

đ) Trúng đấu giá trong đấu giá hoặc trúng tuyển trong thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện.

4. Cam kết triển khai mạng viễn thông được quy định như sau:

a) Tổ chức được cấp giấy phép sử dụng băng tần thông qua đấu giá, thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện hoặc được cấp lại giấy phép sử dụng băng tần phải cam kết triển khai mạng viễn thông theo tiến độ quy định và nộp tiền bảo đảm thực hiện cam kết này thông qua bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam;

b) Cam kết triển khai mạng viễn thông gồm một hoặc một số nội dung về: tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới; thời điểm chính thức cung cấp dịch vụ tính từ thời điểm cấp phép; số lượng trạm phát sóng vô tuyến điện phải triển khai; vùng phủ sóng theo dân số hoặc theo khu vực địa lý; chất lượng dịch vụ viễn thông; chuyển vùng dịch vụ viễn thông;

c) Tổ chức vi phạm cam kết triển khai mạng viễn thông sau khi được cấp giấy phép sử dụng băng tần bị đình chỉ có thời hạn một phần quyền sử dụng băng tần đã được cấp giấy phép sử dụng để khắc phục hậu quả và không được hoàn trả tiền bảo đảm thực hiện cam kết triển khai mạng viễn thông tương ứng với tiến độ quy định. Khoản tiền bảo đảm thực hiện cam kết không được hoàn trả được nộp vào ngân sách nhà nước;

d) Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định cụ thể về cam kết triển khai mạng viễn thông đối với từng băng tần;

đ) Chính phủ quy định chi tiết về đình chỉ có thời hạn một phần quyền sử dụng băng tần khi tổ chức vi phạm cam kết về triển khai mạng viễn thông, tiền bảo đảm thực hiện cam kết triển khai mạng viễn thông.”.

1. Bổ sung Điều 20a vào sau Điều 20 như sau:

“Điều 20a. Cấp lại giấy phép sử dụng băng tần

1. Trước ít nhất 5 năm tính từ thời điểm giấy phép sử dụng băng tần hết hạn, Bộ Thông tin và Truyền thông thông báo về việc băng tần đủ điều kiện được xem xét cấp lại giấy phép sử dụng băng tần.

2. Tổ chức được xem xét cấp lại giấy phép sử dụng băng tần nếu quy hoạch băng tần đối với băng tần đó không thay đổi về quy định phân chia các khối băng tần cho hệ thống thông tin vô tuyến điện.

3. Tổ chức được cấp lại giấy phép sử dụng băng tần khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Có đủ các điều kiện quy định tại các điểm a, b, d, đ và e khoản 2 Điều 19 của Luật này;

b) Thực hiện đầy đủ cam kết triển khai mạng viễn thông đối với băng tần đã được cấp;

c) Hoàn thành các nghĩa vụ tài chính trước đó về viễn thông, tần số vô tuyến điện;

d) Nộp đúng, đủ, kịp thời tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện đối với băng tần được cấp lại theo quy định của pháp luật;

đ) Có cam kết triển khai mạng viễn thông đối với băng tần được cấp lại theo quy định tại khoản 4 Điều 20 của Luật này.

 4. Giấy phép sử dụng băng tần được cấp lại có thời hạn tối đa là 15 năm, được tính là cấp lần đầu và được xem xét gia hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 22 của Luật này.

5. Không cấp lại giấy phép sử dụng băng tần đối với các băng tần quy định tại điểm b khoản 2 Điều 18 của Luật này.”.

1. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 23 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung các điểm đ, e và g khoản 1 như sau:

“đ) Không nộp đúng, đủ, kịp thời phí sử dụng tần số vô tuyến điện, tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

e) Không triển khai trên thực tế các nội dung quy định của giấy phép sau thời hạn hai năm, kể từ ngày được cấp giấy phép, trừ trường hợp quy định tại điểm h khoản này;

g) Khi giấy phép viễn thông, giấy phép hoạt động báo chí hoặc quyền phát sóng phát thanh, truyền hình tương ứng bị thu hồi;”;

b) Bổ sung điểm h vào khoản 1 như sau:

“h) Không khắc phục vi phạm về cam kết triển khai mạng viễn thông trong thời hạn bị đình chỉ một phần quyền sử dụng băng tần.”;

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Sau thời hạn một năm, kể từ ngày bị thu hồi giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện theo quy định tại các điểm b, c, d và đ khoản 1 Điều này nhưng chưa đến mức bị xử lý về hình sự, nếu đã khắc phục được hậu quả và có đủ điều kiện để được cấp giấy phép theo quy định của Luật này thì tổ chức, cá nhân được xét cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện.”;

d) Bổ sung khoản 3 sau khoản 2 như sau:

“3. Tổ chức, cá nhân bị thu hồi giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện không được hoàn trả tiền phí sử dụng tần số vô tuyến điện và tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện.”.

1. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 24 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 như sau:

“a) Tổ chức được cấp giấy phép sử dụng băng tần thông qua đấu giá được phép chuyển nhượng quyền sử dụng tần số vô tuyến điện cho tổ chức khác;”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 như sau:

“c) Tổ chức nhận quyền sử dụng tần số vô tuyến điện phải có đủ điều kiện được cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông phù hợp với băng tần nhận chuyển nhượng theo quy định của pháp luật về viễn thông, điều kiện cấp giấy phép quy định tại các điểm a, d, đ và e khoản 2 Điều 19 của Luật này và bảo đảm tổng độ rộng băng tần tổ chức đó được phép sử dụng sau khi nhận chuyển nhượng không vượt quá giới hạn tổng độ rộng băng tần mà một tổ chức được phép sử dụng quy định tại quy hoạch băng tần;”;

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Chính phủ quy định chi tiết về chuyển nhượng quyền sử dụng tần số vô tuyến điện.”.

1. Sửa đổi tên Điều 31 và sửa đổi, bổ sung Điều 31 như sau:

“Điều 31. Khai thác nguồn lực tài chính từ tần số vô tuyến điện

1. Tổ chức, cá nhân sử dụng tần số vô tuyến điện phải nộp phí sử dụng tần số vô tuyến điện, lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện.

Mức thu phí được xác định cơ bản bảo đảm bù đắp chi phí, có tính đến chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước trong từng thời kỳ trên cơ sở mức độ chiếm dụng phổ tần số vô tuyến điện; phạm vi phủ sóng; mức độ sử dụng tần số trong băng tần và địa bàn sử dụng tần số vô tuyến điện.

2. Tổ chức được cấp, gia hạn, cấp lại giấy phép sử dụng băng tần đối với băng tần được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 18 của Luật này phải nộp tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, trừ trường hợp được cấp, gia hạn giấy phép sử dụng băng tần để thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông.

3. Chính phủ quy định cụ thể mức thu, phương thức thu tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện.”.

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 32 như sau:

“1. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ di động hàng hải, di động hàng không, vô tuyến điện nghiệp dư phải có Chứng chỉ vô tuyến điện viên, trừ trường hợp đã có chứng chỉ tương đương theo quy định Luật chuyên ngành hoặc cam kết quốc tế có quy định khác.

2. Chính phủ quy định chi tiết điều kiện, thủ tục công nhận tổ chức đủ điều kiện đào tạo, tổ chức thi, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên; quy định các loại chứng chỉ vô tuyến điện viên, đối tượng, điều kiện, thủ tục cấp, thu hồi chứng chỉ vô tuyến điện viên, công nhận chứng chỉ vô tuyến điện viên nước ngoài.”.

1. Bổ sung khoản 4, khoản 5 vào sau khoản 3 Điều 35 như sau:

“4. Cơ quan quản lý chuyên ngành tần số vô tuyến điện, Thanh tra chuyên ngành về tần số vô tuyến điện được sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ để phát hiện vi phạm hành chính về sử dụng tần số vô tuyến điện.

5. Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng, danh mục phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ được sử dụng để phát hiện vi phạm hành chính về tần số vô tuyến điện.”.

1. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 42 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 như sau:

“c) Phê duyệt kết quả phối hợp quốc tế về tần số vô tuyến điện và quỹ đạo vệ tinh;”;

b) Bổ sung điểm d sau điểm c khoản 2 như sau:

“d) Kiểm tra, thông báo cho Liên minh Viễn thông quốc tế về các đăng ký tần số vô tuyến điện và quỹ đạo vệ tinh của nước ngoài có khả năng ảnh hưởng đến hệ thống vệ tinh của Việt Nam.”;

c) Bổ sung điểm e sau điểm đ khoản 3 như sau:

“e) Kiểm tra, báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông kết quả kiểm tra các đăng ký tần số vô tuyến điện và quỹ đạo vệ tinh của nước ngoài được Liên minh Viễn thông quốc tế công bố có khả năng ảnh hưởng đến vệ tinh đã được cấp giấy phép sử dụng tần số và quỹ đạo vệ tinh.”.

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, bổ sung khoản 4 vào sau khoản 3 Điều 45 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Trường hợp có tình huống ảnh hưởng trực tiếp đến chủ quyền, an ninh quốc gia:

a) Bộ Quốc phòng, Bộ Công an được phép sử dụng thiết bị vô tuyến điện không phù hợp với quy hoạch tần số vô tuyến điện, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng; sử dụng tần số vô tuyến điện ngoài các tần số vô tuyến điện đã được phân bổ cho mục đích quốc phòng, an ninh và thông báo cho Bộ Thông tin và Truyền thông;

b) Tổ chức, cá nhân phải ngừng sử dụng nếu có khả năng gây nhiễu có hại cho các thiết bị vô tuyến điện quy định tại điểm a khoản này.”;

b) Bổ sung khoản 4 vào sau khoản 3 như sau:

“4. Trường hợp cần thiết, căn cứ các quy định của Luật này, Thủ tướng Chính phủ quyết định việc sử dụng tần số vô tuyến điện phân bổ phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh để kết hợp với phát triển kinh tế - xã hội theo nguyên tắc không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và đảm bảo sự cạnh tranh lành mạnh trong hoạt động viễn thông.”.

1. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số cụm từ tại một số điều như sau:

a) Thay thế cụm từ “quy hoạch phát triển viễn thông quốc gia” bằng cụm từ “quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông quốc gia,” và bổ sung cụm từ “tránh tích tụ băng tần” sau cụm từ “quốc gia” tại khoản 7 Điều 10;

b) Bổ sung cụm từ “, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 11 của Luật này.” vào sau cụm từ “vô tuyến điện” tại khoản 2 Điều 17;

c) Bổ sung cụm từ “, 20a” vào sau cụm từ “, 20” tại điểm c khoản 2 Điều 22;

d) Thay cụm từ “Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông” bằng cụm từ “Chính phủ” tại khoản 3 Điều 25 và tại khoản 3 Điều 26;

đ) Bỏ cụm từ “hoạt động ở cự ly ngắn, có công suất hạn chế,” tại điểm a khoản 1 Điều 27;

e) Bổ sung cụm từ “và kiểm tra các đăng ký tần số, quỹ đạo vệ tinh của nước ngoài” sau cụm từ “vệ tinh” tại khoản 8 Điều 30;

g) Bổ sung cụm từ “, thiết bị điện, điện tử, thiết bị ứng dụng sóng vô tuyến điện” sau cụm từ “thiết bị vô tuyến điện” tại khoản 3 Điều 39;

h) Thay cụm từ “Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì phối hợp với Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an” bằng cụm từ “Chính phủ” tại khoản 2 Điều 40;

i) Bỏ cụm từ “theo quy định tại Điều 44 của Luật này” tại điểm d khoản 1 Điều 43;

k) Bổ sung cụm từ “trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt” sau cụm từ “sau đây” tại khoản 2 Điều 46.

1. Bãi bỏ khoản 3 Điều 8.

**Điều 2. Hiệu lực thi hành**

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng … năm .…

**Điều 3. Quy định chuyển tiếp**

1. Bộ Thông tin và Truyền thông thông báo việc đủ điều kiện cấp lại đối với các băng tần 880-915 MHz, 925-960 MHz, 1710-1785 MHz, 1805-1880 MHz, 1920-1980 MHz và 2110-2170 MHz trước ngày 16/9/2023.

2. Các tổ chức được cấp phép sử dụng băng tần thông qua đấu giá, thi tuyển trước thời điểm Luật có hiệu lực nhưng kể từ thời điểm Luật này có hiệu lực có hành vi vi phạm cam kết triển khai mạng viễn thông thì áp dụng quy định tại Điều 20 và Điều 23 của Luật này để xử lý.

*Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XV, kỳ họp thứ ... thông qua ngày ..... tháng … năm 2022.*

|  |  |
| --- | --- |
|  | **CHỦ TỊCH QUỐC HỘI****Vương Đình Huệ** |